



## **ĐẶC ĐIỂM CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI TỈNH TIỀN GIANG THỜI KÌ 1999 – 2014**

*Huỳnh Phẩm Dũng Phát<sup>\*</sup>, Nguyễn Kim Hồng, Đàm Nguyễn Thùy Dương*

*Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*

*Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-02-2017; ngày phân biên đánh giá: 13-4-2017; ngày chấp nhận đăng: 25-5-2017*

### **TÓM TẮT**

*Tiền Giang hiện có cơ cấu dân số trẻ và đã bước vào thời kì “cơ cấu vàng” khi tỉ số phụ thuộc chung giảm xuống dưới 50%. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về các đặc điểm cơ cấu dân số theo tuổi tỉnh Tiền Giang và các địa phương trong tỉnh dựa trên hai chỉ tiêu chính là cơ cấu theo nhóm tuổi (dưới, trong và trên tuổi lao động) và tỉ số phụ thuộc (phụ thuộc trẻ, phụ thuộc già và phụ thuộc chung) trong thời kì 1999 – 2014.*

**Từ khóa:** cơ cấu dân số, cơ cấu theo tuổi, Tiền Giang.

### **ABSTRACT**

***The characteristics of the population structure according to age  
in Tien Giang province during the period of 1999-2014***

*Tien Giang has a young population structure and has entered the demographic bonus when the dependency ratio falls below 50%. The article presents the results of the study on the characteristics of the population structure according to age in Tien Giang province and localities in the province based on two main indicators which are the age group structure (under, inside and above working age) and the dependency ratio (child, aging of dependency and general dependency) during the period of 1999 – 2014.*

**Keywords:** population structure, population structure according to age, Tien Giang.

### **1. Đặt vấn đề**

Tiền Giang là tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, đóng vai trò cầu nối giữa khu vực với các vùng kinh tế còn lại, đặc biệt là vùng Đông Nam Bộ. Với vị trí đặc biệt như vậy, dân số của tỉnh có thể mang những đặc điểm riêng biệt, trong đó có cơ cấu dân số theo tuổi. Việc nắm rõ những đặc điểm về cơ cấu dân số theo tuổi, một thành phần quan trọng và chính yếu trong các nghiên cứu về dân số, sẽ giúp cho quá trình phân tích, đánh giá tác động của dân

số đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương chính xác hơn.

Trong phạm vi bài viết, cơ cấu dân số theo tuổi tỉnh Tiền Giang và các địa phương trong tỉnh được phân tích dựa trên hai chỉ tiêu: Cơ cấu theo nhóm tuổi (dưới, trong và trên tuổi lao động) và tỉ số phụ thuộc (phụ thuộc trẻ, phụ thuộc già và phụ thuộc chung). Ngoài ra, đối với một tỉnh có đến 80% dân số sinh sống ở vùng nông thôn, các hoạt động kinh tế vẫn diễn ra đối với nhóm tuổi hưu trí, để đảm bảo các phân

<sup>\*</sup> Email: hpdphat@gmail.com

tích sẽ mang tính dài hạn và phù hợp với quá trình già hóa đang diễn ra theo cảnh báo của các chuyên gia dân số, chúng tôi lựa chọn cách phân chia nhóm tuổi theo chuẩn quốc tế với nhóm người trên tuổi lao động tính từ 65 tuổi trở lên.

Các phân tích sẽ giúp chúng ta có cái nhìn khái quát về hiện trạng cơ cấu dân số theo tuổi trên địa bàn tỉnh Tiền Giang cũng như sự phân hóa giữa các đơn vị hành chính trong tỉnh thời kỳ 1999 – 2014. Đây sẽ là những căn cứ tiền đề cho việc nghiên cứu sự tác động của cơ cấu dân số theo tuổi đối với phát triển KT-XH địa phương.

## 2. Đặc điểm cơ cấu dân số theo tuổi tỉnh Tiền Giang

### 2.1. Cơ cấu dân số theo tuổi tỉnh Tiền Giang (xem Bảng 1)

Cơ cấu dân số theo tuổi của tỉnh Tiền

Giang mang đặc điểm cơ cấu trẻ với tỉ trọng người 65 tuổi trở lên thấp hơn mức 10%, đạt 7,5% năm 2014 (cả nước là 7,2%). Tuy nhiên, cơ cấu dân số theo tuổi tỉnh Tiền Giang đang có sự biến đổi theo xu hướng già hóa. Điều này biểu hiện ở tỉ trọng dân số trong nhóm 0 – 14 tuổi giảm 7,6%, từ 29,9% năm 1999 xuống còn 23,4% năm 2009 và 22,3% năm 2014, dưới mức 25% và thấp hơn bình quân cả nước (24,2%). Trong khi đó, tỉ trọng của nhóm 15 – 64 tuổi và nhóm 65 tuổi trở lên lại tăng. Tỉ trọng nhóm 15 – 64 tuổi tăng 6,0%, từ 64,2% lên 69,6% năm 2009 và 70,2% năm 2014 (cao hơn mức của cả nước); và tỉ trọng nhóm 65 tuổi trở lên chỉ tăng 1,6%, từ 5,9% lên 7,0% và 7,5% trong khoảng thời gian tương ứng (cả nước năm 2014 là 7,2%).

**Bảng 1. Quy mô, cơ cấu dân số theo nhóm tuổi tỉnh Tiền Giang thời kỳ 1999 – 2014**

Nhóm tuổi	1999		2009		2014	
	Quy mô (người)	Cơ cấu (%)	Quy mô (người)	Cơ cấu (%)	Quy mô (người)	Cơ cấu (%)
<b>0-14</b>	480.191	29,9	391.875	23,4	381.506	22,3
<b>15-64</b>	1.030.312	64,2	1.163.930	69,6	1.202.161	70,2
<b>65+</b>	93.662	5,9	116.466	7,0	128.534	7,5

Xử lý từ tài liệu Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2010, Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang, 2010, 2015, Tổng cục Thống kê, 2001.

Chỉ số già hóa cũng tăng lên mạnh mẽ từ 19,5% năm 1999 lên 29,7% năm 2009 và 33,7% năm 2014, tăng 14,2%, cao hơn và tăng nhanh hơn so với bình quân cả nước tương ứng theo thời gian là 14,2%, 26,1% và 29,8%. Qua đó, có thể nhận thấy được cơ cấu dân số theo tuổi của tỉnh Tiền Giang thuộc nhóm cơ cấu trẻ nhưng đang có xu hướng già hóa - hiện

tượng mà số người già trở thành thành phần chiếm tỉ trọng lớn trong tổng dân số, là xu hướng không thể tránh khỏi khi người dân ngày càng sống thọ hơn, có ít con hơn (United Nations, 2014) và quá trình này diễn ra nhanh hơn so với mặt bằng chung cả nước.

Các nghiên cứu đều khẳng định biến đổi cơ cấu dân số theo tuổi có tác động tích

cực tới tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ mà số người trong tuổi lao động chiếm tỉ trọng lớn trong tổng dân số. Với đặc điểm cũng như những biến đổi trong cơ cấu dân số theo tuổi như trên, sẽ có những tác động sâu sắc đến phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) tỉnh Tiền Giang. Nhóm 15 - 64 tuổi chiếm tỉ trọng cao nhất (chiếm 69,6% năm 2009 và 70,2% năm 2014) và ngày càng tăng lên mạnh mẽ sẽ mang lại một nguồn lao động dồi dào, tăng nhanh, đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế của Tỉnh, đặc biệt trong bối cảnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay. Tuy nhiên, nguồn lao động dồi dào và tăng nhanh cũng tạo nên sức ép giải quyết việc làm đối với phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế của Tỉnh cần phải gắn liền với việc tạo ra nhiều hơn cơ hội việc làm cho nguồn lao động tăng thêm này. Đây là vấn đề mà tỉnh Tiền Giang cần phải quan tâm trong những năm tới và phải đưa vào trong chiến lược phát triển KT - XH của tỉnh. Nguồn nhân lực sẽ là nhân tố quyết định đến quá trình phát triển KT - XH và quyết định đến việc Tỉnh có đạt mục tiêu đến năm 2020 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp trước mức trung bình cả nước 2 - 3 năm hay không (Ủy ban nhân

dân tỉnh Tiền Giang, 2008).

Dựa theo định nghĩa của Ban chỉ đạo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương (2010) thì cơ cấu dân số theo tuổi tỉnh Tiền Giang đã bước vào thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” khi nhóm dưới 15 tuổi (0-14 tuổi) xuống dưới mức 30% và nhóm từ 65 tuổi trở lên (65+) ở dưới mức 10%. Với cơ cấu như hiện nay, có thể nói dân số tỉnh Tiền Giang sẽ bước vào giai đoạn chuyển tiếp từ dân số trẻ sang dân số già trong thời gian không xa. Tỉnh cần phải có những chính sách khả thi, tận dụng quá trình biến đổi dân số cho tăng trưởng kinh tế với tầm nhìn trung và dài hạn để thu được lợi tức dân số ở thời kỳ dân số vàng, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng cho thời kỳ dân số già tiếp theo sau với các vấn đề an sinh xã hội.

Tỉ trọng nhóm 0 - 14 tuổi giảm xuống sẽ giảm được sức ép gia tăng dân số, giảm thiểu những chi phí đối với các vấn đề y tế, giáo dục và đào tạo bậc tiểu học... Tuy nhiên, tỉ trọng nhóm trên 65 tuổi đang tăng lên kèm theo đó là sự gia tăng chi phí phúc lợi xã hội đối với người già. Đây là hai nhóm tuổi phụ thuộc trong dân số và sự thay đổi của hai nhóm tuổi này tác động rõ rệt nhất thông qua tỉ số phụ thuộc thể hiện ở Bảng 2 sau đây:

**Bảng 2.** Tỉ số dân số phụ thuộc tỉnh Tiền Giang thời kỳ 1999 - 2014

Đơn vị: %

	Tỉ số phụ thuộc trẻ		Tỉ số phụ thuộc già		Tỉ số phụ thuộc chung	
	Cả nước	Tiền Giang	Cả nước	Tiền Giang	Cả nước	Tiền Giang
<b>1999</b>	54,2	46,6	9,4	9,1	63,6	55,7
<b>2009</b>	35,4	34,9	9,3	10,2	44,7	45,2
<b>2014</b>	35,4	31,7	10,6	10,7	46,0	42,4

Xử lý từ tài liệu Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2010, Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang, 2010, 2015, Tổng cục Thống kê, 2001.

Tỉ trọng nhóm 0 – 14 tuổi giảm xuống đã làm cho tỉ số phụ thuộc trẻ cũng giảm theo và giảm khá mạnh, giảm 14,9% từ 46,6% năm 1999 xuống còn 34,9% năm 2009 và 31,7% năm 2014 (thấp hơn mức cả nước là 35,4%). Bên cạnh đó, tỉ trọng nhóm trên 65 tuổi có tăng lên nên tỉ số phụ thuộc già cũng tăng nhẹ 1,6% từ 9,1% năm 1999 lên 10,6% năm 2014 dù giai đoạn 1999-2009 cũng có dấu hiệu giảm. Như vậy, tỉ số phụ thuộc trẻ giảm mạnh trong khi tỉ số phụ thuộc già chỉ tăng nhẹ đã làm cho tỉ số phụ thuộc chung đang giảm mạnh qua các năm và bước vào thời kì “cơ cấu vàng” khi tỉ số phụ thuộc chung giảm xuống dưới 50%. Cụ thể, tỉ số phụ thuộc chung đã giảm 13,3% (thấp hơn mức giảm của cả nước là 17,6%) từ 55,7% năm 1999 xuống chỉ còn 42,4% năm 2014, tốc độ giảm bình quân là 1,8%/năm. Với mức giảm bình quân như vậy thì năm 2009 dân số tỉnh Tiền Giang chính thức bước vào thời kì cơ cấu vàng, mở ra cơ hội vô cùng thuận lợi cho sự phát triển KT - XH của Tỉnh. Thuận lợi đầu tiên thể hiện ở tỉ số phụ thuộc dân số đạt ở mức thấp, hai người trong độ tuổi lao động chỉ phải gánh đỡ một người phụ thuộc. Điều kiện này cho phép gia tăng lực lượng lao động, là thời cơ thuận lợi cho tích lũy vốn và giảm thiểu những chi phí hoặc tập trung phát triển dịch vụ theo chiều sâu đối với nhóm dân số phụ thuộc như chi phí giáo dục và đào tạo, chi phí y tế... cho trẻ em và chi phí phúc lợi xã hội đối với người già. Thuận lợi thứ hai đó là “cơ cấu vàng” tạo ra một nguồn lao động dồi dào, phục vụ trực tiếp cho nhu cầu phát triển KT - XH của Tỉnh. Vấn đề đặt ra cho Tỉnh đó là đưa ra những kế hoạch cụ thể để đón đầu và tận dụng tốt

nhất những lợi tức do cơ cấu dân số vàng mang lại, bởi cơ cấu vàng dự kiến chỉ kéo dài trong khoảng 35 năm và kết thúc vào năm 2040 (Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, 2011). Trong đó, Tỉnh cần tập trung các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nghề... để nâng cao khả năng tham gia lực lượng lao động cho nguồn lao động mới tăng thêm, vì mấu chốt để phát huy được cơ cấu dân số vàng là nguồn nhân lực phải có chất lượng cao.

## 2.2. Cơ cấu dân số theo tuổi các địa phương trong Tỉnh (xem Bảng 3)

Trong 15 năm, chỉ có các đô thị lớn là thành phố (TP) Mỹ Tho và thị xã (TX) Gò Công có sự gia tăng số người dưới tuổi lao động với tốc độ tăng trưởng bình quân 1,02%/năm và 3,17%/năm. Trong đó, TX Gò Công giai đoạn 5 năm gần đây cũng đã có xu hướng giảm theo quy luật chung. Trong các địa phương nằm trong xu hướng chung giảm dân số dưới tuổi lao động cả về số lượng và tỉ trọng, có thể phân thành ba nhóm là nhóm có mức giảm cao gồm huyện Gò Công Tây (giảm 3,85%/năm) và huyện Gò Công Đông (giảm 3,48%/năm); nhóm giảm ít hơn mức trung bình toàn Tỉnh (-1,52%/năm) gồm huyện Cái Bè, Tân Phước; nhóm giảm nhiều hơn mức trung bình gồm các huyện Cai Lậy, Châu Thành và Chợ Gạo. Tuy nhiên, tốc độ gia tăng bình quân của nhóm dân số trẻ cũng không quá chênh lệch so với mức trung bình toàn Tỉnh. Những địa phương có kinh tế nông nghiệp và vùng ven biển cũng là những địa phương có tỉ trọng người trẻ cao, hầu như các địa phương đều có tỉ trọng người dưới tuổi lao động xấp xỉ ¼ dân số, cao nhất là huyện Gò Công Đông 24,7%, huyện Tân Phú Đông với 24,1%.

**Bảng 3.** Cơ cấu dân số theo tuổi lao động các địa phương tỉnh Tiền Giang

	Dưới tuổi lao động			Trong tuổi lao động			Trên tuổi lao động		
	1999	2009	2014	1999	2009	2014	1999	2009	2014
<b>TIỀN GIANG</b>	<b>480.191</b>	<b>391.875</b>	<b>381.506</b>	<b>1.030.312</b>	<b>1.163.930</b>	<b>1.202.161</b>	<b>93.662</b>	<b>116.466</b>	<b>128.534</b>
	29,9%	23,4%	22,3%	64,2%	69,6%	70,2%	5,8%	7,0%	7,5%
TP. Mỹ Tho	37.586	36.480	43.746	110.231	128.960	166.134	9.318	15.927	13.882
	23,9%	20,1%	19,6%	70,2%	71,1%	73,3%	5,9%	6,6%	6,2%
TX. Gò Công	13.847	23.491	22.122	33.598	63.939	65.741	3.192	6.937	7.871
	27,3%	24,9%	23,1%	66,4%	67,7%	68,7%	6,3%	7,4%	8,2%
Huyện Cai Bè	84.601	67.347	68.205	169.829	200.121	201.636	22.457	19.567	21.505
	30,6%	23,5%	23,4%	63,4%	69,7%	69,2%	6,0%	6,8%	7,4%
Huyện Cai Lậy	93.079	71.328	71.314	195.322	211.301	216.499	19.003	23.277	24.669
	30,3%	23,3%	22,8%	63,5%	69,1%	69,3%	6,1%	7,6%	7,9%
Huyện Tân Phước	16.985	14.508	14.238	30.954	38.886	41.095	2.185	3.023	3.564
	33,9%	25,7%	24,2%	61,8%	68,9%	69,8%	4,4%	5,4%	6,1%
Huyện Châu Thành	71.172	58.911	52.146	158.095	182.558	172.781	14.317	17.939	17.667
	29,2%	22,7%	21,5%	64,9%	70,4%	71,2%	5,9%	6,9%	7,3%
Huyện Chợ Gạo	51.963	41.262	36.258	115.838	127.501	125.178	10.430	13.414	15.597
	29,2%	22,6%	20,5%	65,0%	70,0%	70,7%	5,8%	7,4%	8,8%
Huyện Gò Công Tây	50.858	30.715	28.214	100.901	85.234	87.610	8.525	8.940	10.521
	31,7%	24,6%	22,3%	63,0%	68,2%	69,3%	5,3%	7,2%	8,3%
Huyện Gò Công Đông	60.100	37.417	35.321	109.716	93.946	96.950	10.063	8.912	10.552
	33,4%	26,7%	24,7%	61,0%	67,0%	67,9%	5,6%	6,4%	7,4%
Huyện Tân Phú Đông	-	11.858	9.942	-	25.410	28.535	-	2.542	2.705
	-	29,8%	24,1%	-	63,8%	69,3%	-	6,4%	6,6%

Xử lý từ tài liệu Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2010, Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang, 2010, 2015, Tổng cục Thống kê, 2001.

Số người trong độ tuổi lao động không có chênh lệch lớn giữa các địa phương và đều bước vào thời kỳ “dân số vàng” khi chiếm tỉ trọng trên 65% dân số. Về tốc độ gia tăng, có sự phân hóa thành nhóm tăng trưởng âm gồm huyện Gò Công Tây (giảm 0,94%/năm) và huyện Gò Công Đông (giảm 0,82%/năm); nhóm tăng trưởng cao hơn mức bình quân toàn Tỉnh 1,26%/năm gồm TP Mỹ Tho, TX Gò Công, huyện Tân Phước, đặc biệt tăng nhanh ở TX Gò Công với 4,58%/năm; nhóm tăng trưởng thấp gồm các địa phương còn lại.

Liên hiệp quốc (2014) quy ước một quốc gia có tỉ lệ người 60 tuổi trở lên từ 10% thì quốc gia đó có dân số già. Tỉnh Tiền Giang tuy vẫn có cơ cấu dân số trẻ

nhưng cũng đang trong quá trình già hóa khi số người trên tuổi lao động đã tăng dần tỉ trọng qua các năm. Điều đáng lưu ý là trong mười lăm năm qua, nhóm tuổi già đều có sự gia tăng cả về số lượng và tỉ trọng ở hầu hết các địa phương, trừ TP Mỹ Tho (giảm 2.044 người trong 5 năm gần đây). Tốc độ gia tăng người cao tuổi cũng có sự phân hóa với TX Gò Công, tốc độ gia tăng cao 6,2%/năm, vượt xa mức trung bình 2,13%/năm của Tỉnh. Ngoài ra còn phân hóa thành các nhóm cao, thấp hơn và gia tăng âm tương tự các nhóm tuổi còn lại.

Nhìn chung, cơ cấu dân số tại hầu hết các địa phương trong Tỉnh đều đang chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng nhóm trẻ, gia tăng nhóm trong tuổi lao động và nhóm tuổi già, nhưng nhóm người

cao tuổi lại đang tăng nhanh hơn. Mô hình gia tăng dân số trong thời kì nghiên cứu chỉ có hai địa phương là huyện Tân Phước và huyện Châu Thành gần với mức trung bình chung của Tỉnh.

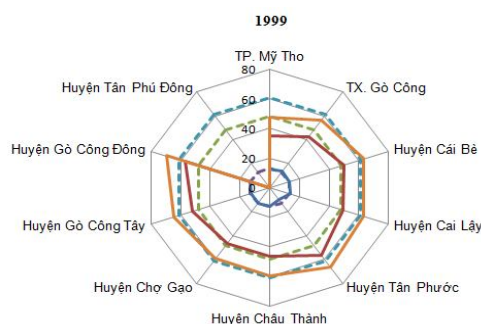
Để có thể đánh giá được tốt hơn những tác động của cơ cấu dân số đến KT - XH có thể xem xét đến các chỉ tiêu về tỉ số phụ thuộc trẻ, tỉ số phụ thuộc già và tỉ số phụ thuộc chung.

Nhóm Biểu đồ dưới đây cho thấy tỉ số phụ thuộc của tỉnh Tiền Giang và các địa phương đều có xu hướng giảm trong thời kì nghiên cứu. Sự thay đổi phụ thuộc chủ yếu vào nhóm dân số trẻ và tỉ số phụ thuộc già ổn định, hầu như không quá chênh lệch so với mức bình quân.

Năm 1999, về chỉ số phụ thuộc chung có huyện Gò Công Đông, Tân Phước, Gò Công Tây, Cai Lậy, Cái Bè cao hơn bình quân toàn Tỉnh, trong các địa

phương còn lại thì TP Mỹ Tho có tỉ số phụ thuộc chung thấp nhất 47,6% do tỉ số phụ thuộc trẻ thấp 35,3%. Đến năm 2009, các chỉ số đều giảm ở các địa phương, tuy nhiên, so với bình quân toàn Tỉnh là 48,8% cũng đã có thay đổi. Ngoài huyện Gò Công Đông có tỉ số phụ thuộc chung vẫn cao hơn toàn Tỉnh thì có thêm huyện mới Tân Phú Đông (thành lập năm 2008). Sự gia tăng cao hơn cũng ghi nhận được đối với Gò Công Tây và đặc biệt là sự tăng cao lên mức 53,5% của TX Gò Công trong khi thời điểm trước đó địa phương này vẫn có mức thấp hơn nhiều so với bình quân do sự gia tăng của tỉ số phụ thuộc trẻ. Đến 2014, có thể nhận thấy các địa phương có nhiều chênh lệch ở những thời điểm trước đã dần gần hơn mức bình quân, đặc biệt là Tân Phú Đông, có sự giảm mạnh tỉ số phụ thuộc chung do giảm mạnh tỉ số phụ thuộc trẻ và tăng tỉ số phụ thuộc già.

**Biểu đồ.** Tỉ số phụ thuộc trẻ, tỉ số phụ thuộc già, tỉ số phụ thuộc chung các đơn vị hành chính tỉnh Tiền Giang





Xét từng nhóm theo thời gian nghiên cứu cho thấy có sự thay đổi của các địa phương. Tỉ số phụ thuộc trẻ biến động giảm nhiều nhất ở huyện Tân Phước, từ 56,5% năm 1999 xuống 38,5% năm 2009 và còn 34,6% năm 2014, giảm 21,8%; huyện Gò Công Đông trong thời gian tương ứng giảm từ 56,7% còn 41,4% và 36,4%, giảm 20,2%. Đây là vấn đề cần xem xét khi những địa phương này vốn có mức sinh thấp, nhưng lại có sự chênh lệch về phát triển kinh tế khi một huyện là địa phương thuộc vùng sâu, còn một huyện lại đóng vai trò chủ lực trong phát triển kinh tế biển của Tỉnh. Hai đô thị động lực với mức sinh thấp nhất nên có tỉ số phụ thuộc thấp và biến đổi không đáng kể, chỉ khoảng 9% trong cả thời kì. TP Mỹ Tho cũng là địa phương có tỉ số phụ thuộc trẻ thấp nhất là 26,3% vào năm 2014.

Tỉ số phụ thuộc già giai đoạn đầu không có nhiều chênh lệch nhưng càng về sau càng có sự biến đổi. Cùng với tỉ số phụ thuộc trẻ thấp, TP Mỹ Tho cũng có tỉ số phụ thuộc già thấp nhất vào năm 2014 với 8,4%, mức giảm cao nhất so với năm 1999 trong các địa phương là 4%. Độ chênh giữa mức bình quân toàn Tỉnh và các địa phương đã có sự gia tăng trong giai đoạn đầu với mức chênh lớn nhất năm 1999 là

2,7 thì năm 2009 là 3,9 và giảm còn 2 vào năm 2014.

Có thể thấy, qua cả thời kì, những địa phương mới khai phá có tỉ số phụ thuộc trẻ cao và tỉ số phụ thuộc già thấp; địa phương kinh tế nông nghiệp và địa phương có kinh tế biển làm chủ lực đều có tỉ số phụ thuộc trẻ cao phần nào do các yếu tố kinh tế đòi hỏi nhân lực tác động. Địa phương có tỉ số phụ thuộc thấp nhất và ổn định chính là đô thị động lực Mỹ Tho, điều này cho thấy ở vùng đô thị chính của Tỉnh, mức sinh đã giảm khá thấp.

Những thay đổi về cơ cấu dân số theo tuổi tỉnh Tiền Giang thời kì 1999 - 2014 đã dẫn đến tỉ số phụ thuộc chung có nhiều thay đổi thể hiện dân số của Tỉnh đang bước vào thời kì có lợi thế rất lớn trong thúc đẩy kinh tế phát triển. Năm 1999 chỉ có mỗi TP Mỹ Tho có tỉ số phụ thuộc dưới 50%, sau mười năm, đã có sáu địa phương có tỉ số phụ thuộc thấp hơn nhưng vẫn còn xấp xỉ mức 50%. Đến năm 2014, tất cả các địa phương trong Tỉnh đều đã bước vào thời kì dân số vàng với nhiều vận hội và thách thức mới cho phát triển KT-XH. Điều đặt ra là toàn Tỉnh nói chung và các địa phương nói riêng có tận dụng tốt được thời cơ hay không khi trình độ lao động của Tỉnh, như đã nhìn nhận, còn khá



thấp và chỉ số già hóa đang ngày càng tăng cao. Điều này cho thấy thời kì dân số già đối với một số địa phương đã không còn quá xa.

### 3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy cơ cấu dân số theo tuổi của tỉnh Tiền Giang thuộc nhóm trẻ nhưng có xu hướng già hóa, đồng thời quá trình này đang diễn ra nhanh hơn so với mặt bằng chung cả nước. Các địa phương nằm trong xu hướng chung là giảm dân số dưới tuổi lao động cả về số lượng và tỉ trọng. Có thể phân thành ba nhóm: Nhóm có mức giảm cao gồm huyện Gò Công Tây, Gò Công Đông; nhóm giảm ít hơn mức trung bình toàn tỉnh gồm huyện Cái Bè, Tân Phước; nhóm giảm nhiều hơn mức trung bình gồm các huyện Cai Lậy, Châu Thành và Chợ Gạo; chỉ có TP Mỹ Tho và TX Gò Công gia tăng số người dưới tuổi lao động. Ngược lại, nhóm tuổi già đều có sự gia tăng cả về số lượng lẫn tỉ trọng ở hầu hết các địa phương, trừ TP Mỹ Tho.

Tiền Giang bước vào thời kì “cơ cấu vàng” khi tỉ số phụ thuộc chung giảm

manh qua các năm và đã xuống dưới 50%, điều này là do tỉ số phụ thuộc trẻ giảm mạnh, trong khi tỉ số phụ thuộc già chỉ tăng nhẹ. Những địa phương mới khai phá có tỉ số phụ thuộc trẻ cao và tỉ số phụ thuộc già thấp; địa phương kinh tế nông nghiệp và địa phương có kinh tế biển làm chủ lực đều có tỉ số phụ thuộc trẻ cao phần nào do các yếu tố kinh tế đòi hỏi nhân lực tác động. Địa phương có tỉ số phụ thuộc thấp nhất và ổn định chính là đô thị động lực Mỹ Tho.

Các đặc điểm trên sẽ tạo điều kiện cho tỉnh Tiền Giang gia tăng lực lượng lao động, mở ra thời cơ thuận lợi cho tích lũy vốn và giảm thiểu những chi phí hoặc tập trung phát triển dịch vụ theo chiều sâu đối với nhóm dân số phụ thuộc trong thời kì mà số người trong tuổi lao động chiếm tỉ trọng lớn và cao nhất trong tổng dân số.

Kết quả nghiên cứu cũng sẽ là tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo về tác động của cơ cấu dân số theo tuổi đối với phát triển KT-XH hay các khuyến nghị chính sách phát triển dân số góp phần thúc đẩy kinh tế của địa phương.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương. (2010). *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả toàn bộ*. Hà Nội: NXB Thống kê.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Quỹ dân số Liên Hợp Quốc. (2005). *Cơ sở lý luận về dân số - phát triển và lồng ghép dân số vào kế hoạch hóa phát triển*. Hà Nội: Dự án VIE/01/P14.
- Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang. (2010). *Dân số Tiền Giang qua số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*. Mỹ Tho.
- Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang. (2015). *Kết quả điều tra biến động dân số năm 2014*. CD-Rom.
- Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình. (2011). *Dân số là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển bền vững của đất nước*. Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2001). *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 1999: Kết quả điều tra toàn bộ*. CD-Rom.
- United Nations. (2014). *Concise Report on the World Population Situation in 2014*. New York.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. (2008). *Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020*. Tiền Giang.